

LÝ THUYẾT XÃ HỘI HỌC PHỤ THUỘC TIẾN TRÌNH TRONG LẬP LUẬN CỦA JAMES MAHONEY

MAI ĐẶNG HIỀN QUÂN*

James Mahoney đang nghiên cứu và giảng dạy ở đại học Northwestern ở Evanston bang Illinois. Ông là nhà nghiên cứu xã hội học chính trị về xã hội học so sánh, xã hội học lịch sử, lý thuyết vĩ mô và phương pháp luận. Mahoney được coi là một trong những nhà xã hội học chuyên ngành lý thuyết phụ thuộc tiến trình và lịch sử so sánh hàng đầu của xã hội học Mỹ. Để ghi nhận những thành tựu của ông, năm 2010, Hội Xã hội học Mỹ đã bầu ông là người đứng đầu hướng nghiên cứu xã hội học lịch sử và xã hội học so sánh.

Do khuôn khổ Tạp chí có hạn, bài viết được tách làm 2 phần. Dưới đây là Phần I. Phần II sẽ được đăng trong số Tạp chí tiếp theo.

Tạp chí Xã hội học

Gần đây, nhiều nhà xã hội học có thiên hướng sử học cho rằng nghiên cứu theo hướng *phụ thuộc tiến trình* (Path Dependence)¹ có ý nghĩa to lớn đối với khoa học xã hội. Nhiều nhà nghiên cứu như Ronald Aminzade, Larry Griffin, Larry Issac, William Sewell và Margaret Somers đã đi đến kết luận rằng nhiều hiện tượng xã hội có ảnh hưởng to lớn chỉ có thể được giải thích đầy đủ bằng các nghiên cứu theo hướng *phụ thuộc tiến trình* (Griffin, 2003). Không những thế, họ còn cho rằng các công cụ của hướng nghiên cứu xã hội học lịch sử trong bộ môn xã hội học tạo nên những nền tảng vững chắc cho việc tìm hiểu và giải thích các hiện tượng xã hội theo hướng *phụ thuộc tiến trình*. Không chỉ các nhà xã hội học đánh giá cao phương pháp này, nhiều nhà kinh tế học lịch sử thậm chí đã nhận xét rằng cách nhìn sự việc theo hướng *phụ thuộc tiến trình* đã làm mở rộng phạm vi nghiên cứu của bộ môn kinh tế ra rất nhiều (Arthur 1994).

Tuy là một hướng nghiên cứu thể chế mới, chặt chẽ và có ý nghĩa lớn nhưng phương pháp nghiên cứu này vẫn còn tương đối xa lạ với các nhà chuyên môn. Vậy, cơ sở lý thuyết của *phụ thuộc tiến trình* là gì, nó nên được sử dụng trong nghiên cứu như thế nào, các điều kiện và giới hạn của nghiên cứu này ra sao? Đó là các câu hỏi mà bài viết này sẽ cố gắng đưa ra lời giải đáp.

* Sinh viên khoa xã hội học Đại học Bates College, Hoa Kỳ.

¹ Thuật ngữ chuyên môn này hiện nay chưa có cách dịch thật chuẩn xác. Cách dịch chuẩn xác nhất là "Lý thuyết xã hội học về sự phụ thuộc vào tiến trình đã qua". Trong bài sẽ sử dụng cụm từ tắt là "phụ thuộc tiến trình" khi nói đến path dependence trong bài này (Tc XHH).

I. KHÁI NIỆM PHỤ THUỘC TIẾN TRÌNH

Tuy các nhà khoa học đã ý thức được về tầm quan trọng của lý thuyết này, không phải ai cũng hiểu nó theo nghĩa đầy đủ. Theo James Mahoney, chưa có nhà nghiên cứu nào đưa ra được định nghĩa thực sự chuẩn xác cho khái niệm *phụ thuộc tiến trình*. Nói cách khác, chưa có định nghĩa chính thức nào về khái niệm này thực sự xứng tầm với ý nghĩa khoa học của nó. Thường trong các nghiên cứu, khái niệm *phụ thuộc tiến trình* được định nghĩa một cách tương đối mù mờ như “lịch sử có ý nghĩa với tương lai” hoặc là “quá khứ ảnh hưởng hiện tại” (Bernan1998). Các cách hiểu chưa chính xác như vậy dẫn tới sự lầm tưởng rằng *phụ thuộc tiến trình* chỉ là một phương pháp trong đó người ta lật lại quá khứ để giải thích một hiện tượng xã hội. Theo James Mahoney, đây chỉ là những nghiên cứu sử học thuần túy, khi chúng nghiên cứu chuỗi sự kiện và niên đại, còn một nghiên cứu xã hội học quan tâm tới các sự tương quan liên kết giữa các sự kiện trong một chu trình xã hội dẫn tới kết quả là một hiện tượng xã hội.

Trong các phân tích về phương pháp luận của mình, James Mahoney đưa ra kết luận rằng một nghiên cứu cần có đủ ba yếu tố chủ chốt để được coi là phụ thuộc tiến trình.

Một là, các nghiên cứu phụ thuộc tiến trình bao gồm việc nghiên cứu các hiện tượng có quan hệ nhân quả và cực kỳ *nhạy cảm* với các sự kiện đã xảy ra trước đó trong toàn thể chu trình lịch sử. Như Paul Pierson đã nói, trong khuôn khổ của một nghiên cứu *phụ thuộc tiến trình*, các phần trước của chu trình có ý nghĩa quan trọng hơn nhiều so với các phần sau; những sự kiện xảy ra “quá muộn” có thể không có ý nghĩa gì, dù cho chúng có thể sẽ rất hữu ích nếu như xảy ra sớm hơn (Pierson, 2000). Thí nghiệm cái bình của Polya (Polya’s urn experiment) được Brian W. Arthur coi là ví dụ điển hình cho quan điểm này. Thí nghiệm bình của Polya là một thí nghiệm toán học có vai trò khá to lớn, các kết quả của định lý này là cơ sở cho nhiều phương pháp xác suất được áp dụng nhiều trong cá cược và phái sinh chứng khoán; tuy nhiên đó không phải là mối quan tâm chính của chúng ta. Ở thí nghiệm này, có x bi xanh và y bi đỏ đựng trong bình. Một viên bi bất kỳ sẽ được lấy ra, người ta xem nó có màu gì và bỏ lại bi đó vào trong bình cùng với một bi nữa cùng màu. Sau khi làm n lần, chuỗi sự kiện này là một *martingale* và tỉ lệ giữa các bi hai màu tiến tới hằng số a . Tuy nghe có vẻ phức tạp, nhưng về cơ bản, thí nghiệm này minh họa rất cụ thể cho luận điểm của Pierson: rõ ràng là trong thí nghiệm trên, xác suất việc các viên bi về sau được bốc hoàn toàn bị ảnh hưởng bởi việc các viên bi đầu tiên được lựa chọn như thế nào. Cũng với lập luận trên, kết quả cuối cùng cũng như tỉ lệ màu giữa các viên trong lọ cũng bị ảnh hưởng bởi vài lần bốc bi đầu tiên. Đồng tình với quan điểm trên, một số nhà xã hội học lịch sử cũng đã phát biểu: “trật tự các sự kiện có thể thay đổi chu trình” hoặc “việc các sự

kiện xảy ra *khi nào* có ảnh hưởng lớn đến việc chu trình xảy ra *ra sao*” (Tilly 1984).

Hai là, trong một chu trình *phụ thuộc tiến trình*, các sự kiện lịch sử xảy ra đầu tiên trong chu trình là ngẫu nhiên (contingent) và không bị ảnh hưởng bởi các điều kiện và hoàn cảnh lịch sử khi chu trình bắt đầu. Như đã nói trên, chỉ có các sự kiện lịch sử xảy ra đầu tiên có ý nghĩa to lớn đối với kết quả cuối cùng của chu trình và chính chỉ tiêu này loại bỏ khả năng rằng các điều kiện hoàn cảnh lịch sử có ảnh hưởng tới kết quả. Tóm lại, không thể đoán được kết quả của cả chu trình sẽ như thế nào nếu chỉ dựa vào hoàn cảnh lịch sử ban đầu. Jack Goldstone, giáo sư chính trị học và xã hội học đại học George Mason đã nói rằng: “Một hệ thống có tính chất phụ thuộc tiến trình khi và chỉ khi kết quả của chu trình không có mối liên hệ nào với các điều kiện, hoàn cảnh lịch sử lúc chu trình sắp xảy ra.” (Goldstone, 1998). Nếu ta nhìn lại thí nghiệm cái bình của Polya, thì kết quả cuối cùng, khi tỉ lệ màu giữa hai loại bi tiến tới một hằng số, đâu có liên quan gì tới việc lúc đầu trong bình có bao nhiêu viên bi hay tỉ lệ màu giữa chúng là bao nhiêu. Chỉ đến khi một vài viên bi đầu tiên được bốc ra, tỉ lệ màu giữa chúng mới bắt đầu tự ổn định quanh một giá trị hằng số. Một ví dụ khác: không thể nói rằng thực trạng nước Nhật giờ đây là một cường quốc kinh tế (kết quả chu trình) có liên quan tới việc Nhật Bản là một quốc gia rất thiếu tài nguyên (điều kiện hoàn cảnh lịch sử). Chỉ đến khi người dân Nhật Bản, với bản chất siêng năng và quyết tâm đứng dậy sau thất bại trong chiến tranh, bắt tay vào cải tạo đất nước với đường lối canh tân đúng đắn của Nhà nước, bánh xe Nhật Bản mới lăn những vòng quay thần tốc trên chu trình tới thành công.

Ba là, một khi các sự kiện lịch sử đầu tiên trong chu trình được thực hiện, các sự kiện phía sau đi theo một chu trình với mô hình có tính định hướng dựa vào quan hệ nhân quả (deterministic causal pattern). James Mahoney hay gọi điều này là “quán tính”: khi các sự kiện quá trình đã được “nhỏ neo” bằng sự xảy ra của các sự kiện đầu tiên, chúng sẽ xảy ra liên tục như là hệ quả của nhau, gần như một hiệu ứng domino, cho tới khi kết quả xuất hiện và chu trình kết thúc. Bản chất của “quán tính” này phụ thuộc vào dạng chu trình, gồm hai loại là chu trình tự củng cố (self-reinforcing sequences) và chu trình phản ứng (reactive sequences). Trong chu trình tự củng cố, quán tính này gồm các cơ chế có khả năng tái tạo một mô hình phát triển của chu trình cùng với thời gian. Ngược lại, trong chu trình phản ứng, quán tính bao gồm những cơ chế phản hồi (feedback) để làm cho chu trình trở lại đúng “đường ray” và như thế các sự kiện sau xảy ra một cách gần như là tự nhiên logic, như là kết quả của sự kiện xảy ra trước trong chuỗi. Phần sau bài này sẽ nói rõ hơn về bản chất 2 chu trình.

II. CHU TRÌNH TỰ CỨNG CỐ VÀ CHU TRÌNH PHẢN ỨNG

1. Chu trình tự củng cố (self-reinforcing sequences)

Một trong hai loại chu trình thuộc phương pháp *phụ thuộc tiến trình* là chu trình tự củng cố. Ở các chu trình này, các bước đầu tiên theo một hướng cụ thể sẽ kéo các bước tiếp theo cùng theo hướng đó và cùng với thời gian, hướng đi ấy ngày càng trở nên vững chắc và rất khó nếu như không muốn nói là không thể rẽ sang một hướng khác. Các nhà kinh tế học thường giải thích các chu trình tự củng cố bằng một học thuyết kinh tế: “lợi ích tăng dần” (increasing returns); theo các giải thích này, xác suất của mỗi bước đi càng ngày càng tăng trên một con đường được định sẵn, cho tới khi nó đạt tới một giá trị thăng bằng (Pierson, 2000). Trong hệ thống lý thuyết kinh tế, định đề về lợi ích tăng dần được dùng để giải thích sự bền vững và phổ biến của nhiều sản phẩm công nghệ dù cho chúng chưa chắc đã là những sản phẩm hiệu quả nhất, từ bàn phím máy tính QWERTY, ô tô, máy quay video cho đến nhà máy hạt nhân hay hệ thống đường sắt (David và Bunn, 1988).

Tuy nhiên, phổ nghiên cứu của các phương pháp *phụ thuộc tiến trình* không chỉ dừng lại ở phát triển khoa học kỹ thuật theo cách nghĩ của các nhà vật lý và kinh tế, nó còn có thể được áp dụng trong các nghiên cứu thể chế chính trị và xã hội. Dù cho quan điểm khoa học có thể khác nhau, các nhà nghiên cứu đều thống nhất rằng tính chất đặc trưng của thể chế là nó rất vững chắc, khó có thể bị thay đổi một sớm một chiều. Chính vì tính chất chắc chắn này mà thể chế chính trị xã hội là đối tượng nghiên cứu rất phù hợp đối với phương pháp *phụ thuộc tiến trình* nói chung và thể chế tự củng cố nói riêng.

Trong việc nghiên cứu thể chế xã hội theo phương pháp *phụ thuộc tiến trình*, các nhà xã hội học lịch sử thường đi theo mô hình giải thích lịch sử được giáo sư Arthur Stinchcombe của đại học Northwestern đề xuất. Stinchcombe nhấn mạnh rằng có hai điểm khởi nguồn cho mọi chu trình: Điểm đầu tiên là một *sự kiện cụ thể* khơi nguồn cho một thể chế. Điểm thứ hai là *quá trình* trong đó các mô hình xã hội tự tái tạo và phát triển (Stinchcombe, 1968). Như vậy, ta nhận thấy rõ ràng - và ý này rất quan trọng - rằng quá trình *hình thành* và quá trình *tái tạo và phát triển* của thể chế là 2 quá trình hoàn toàn biệt lập về khái niệm.

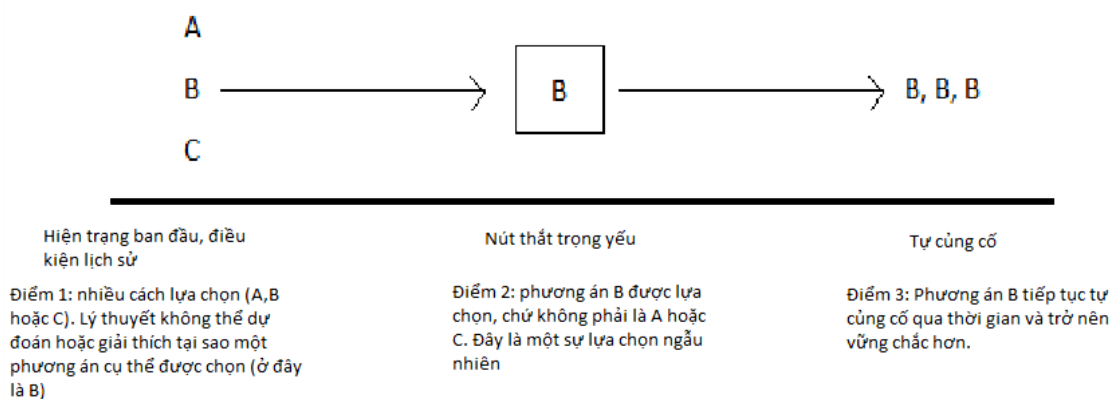
a) Phân tích quá trình hình thành của chu trình

Với các chu trình tự củng cố, các bước cấu thành thể chế được Mahoney gọi theo tên khoa học là các “nút thắt trọng yếu” (critical junctures). Nút thắt trọng yếu là nơi nằm giữa hoàn cảnh - điều kiện lịch sử trước khi xảy ra chu trình và khi chu trình bắt đầu được thực hiện. Ở nút thắt trọng yếu này, các nhân vật quan trọng trong chu trình lựa chọn một hướng đi cụ thể (trong hai hoặc ba lựa chọn), để định hướng cho lộ trình của thể chế. Những nút thắt trọng yếu này “trọng yếu” ở chỗ một khi một hướng đi cụ thể đã được

lựa chọn, như đã lập luận ở trên, các sự kiện lịch sử về sau sẽ bị ảnh hưởng to lớn và liên tục xảy ra theo quan hệ nhân quả (hay nói đơn giản hơn là như một hiệu ứng domino) cho tới khi kết quả được hình thành. Một khi đã đạt được kết quả như vậy, việc ngược lại dòng thời gian và quay trở về điểm nút thắt trọng yếu để chọn một hướng đi cụ thể khác là điều cực kỳ khó, gần như là không tưởng. Gần đây, các nhà khoa học chứng kiến một hướng nghiên cứu mới khá hấp dẫn, đó là trường phái nghiên cứu *phản thực* (counter-factual analysis). Trong hướng nghiên cứu này, người ta lật lại lịch sử và phân tích trên cơ sở nếu một hướng đi khác thay vì hướng đi thực tế đã được chọn, thì hẳn là thực tế kết quả sẽ rất khác khi lựa chọn khác sẽ thúc đẩy sự phát triển của một thể chế khác. Những phân tích như vậy sẽ rất hiệu quả và thuyết phục nếu như chọn ra được một hướng đi đáng nhẽ, theo dự đoán khoa học, phải được lựa chọn, nhưng đã không được chọn và dẫn tới hậu quả. Như thế, các phân tích này tránh được trường hợp câu hỏi nghiên cứu là “Nếu đã là” hoặc “Biết thế thì”, làm giảm ý nghĩa khoa học của nghiên cứu. Ví như khi xưa ở hẻm Hoa Dương, Quan Vũ mà theo lệnh Khổng Minh bắt Tào Tháo về thì lịch sử có lẽ đã rẽ theo một hướng khác hoàn toàn.

Yếu tố ngẫu nhiên rất quan trọng khi việc lựa chọn giữa các khả năng ở nút thắt trọng yếu của chu trình. Ngẫu nhiên ở đây không nên hiểu theo nghĩa hoàn toàn ngẫu hứng và không có cơ sở khoa học. Ngẫu nhiên ở đây được dùng để miêu tả việc lý thuyết không thể dự đoán hay giải thích, dù cụ thể hay theo một xác suất nào đó, kết quả cụ thể của một chu trình từ điều kiện lịch sử ban đầu. Dù cho nhiều nhà nghiên cứu coi sự ngẫu nhiên về cơ bản cũng là một phần của lý thuyết nhân quả (Manis và Meltzer, 1994; King, Keohane và Verba, 1994), các nhà xã hội học lịch sử cho rằng ngẫu nhiên là ở chỗ tương lai không thể được dự đoán theo lý thuyết xác suất hay lý thuyết kinh tế nào hết. Biện luận rằng một sự kiện là ngẫu nhiên không có nghĩa là cho rằng sự kiện này hoàn toàn tùy tiện. Yếu tố ngẫu nhiên gắn bó chặt chẽ đến lý thuyết *phụ thuộc tiến trình*, không có ngẫu nhiên trong lựa chọn ở các nút thắt trọng yếu là không có *phụ thuộc tiến trình*.

Bảng 1. Minh họa quá trình ba bước của chu trình tự củng cố



Hình trên biểu diễn theo thứ tự thời gian trình tự của các bước đầu tiên trong chu trình tự củng cố. Nó cho thấy ở điểm thời gian một, có 3 lựa chọn A, B và C cũng là 3 định hướng cho chu trình. James Mahoney nhấn mạnh rằng việc một phương án cụ thể (ở đây là B) được lựa chọn không thể được dự đoán hay giải thích theo bất cứ lý thuyết nào. Về mặt lý thuyết, nếu ta có thể *tua* lại lịch sử và chọn lại các phương án khác (ở đây là A và C), thì xác suất phương án B được chọn cũng sẽ ngang bằng với xác suất các phương án còn lại được chọn. Việc lựa chọn ở đây *ngẫu nhiên* theo nghĩa như vậy.

Trong thực tế nghiên cứu, các nhà khoa học sẽ coi một sự kiện là ngẫu nhiên nếu như không giải thích được sự kiện đó bằng lý thuyết khoa học. Cụ thể hơn, các nhà xã hội học sẽ coi một sự kiện là ngẫu nhiên nếu (a) nó có quy mô nhỏ và quá cụ thể để nằm trong bất cứ lý thuyết khoa học nào, như việc một nhà lãnh đạo chính trị bị ám sát hoặc (b) nó có quy mô lớn nhưng nằm ngoài quy luật xã hội như các thảm họa tự nhiên (Munck, 1993). Các nhà nghiên cứu cũng có thể coi một sự kiện là *ngẫu nhiên* nếu nó đi ngược lại các lý thuyết xã hội có khả năng dự đoán một kết quả theo một hướng cụ thể. Ví dụ, các nhà kinh tế học lịch sử sẽ coi việc các công nghệ không hiệu quả vẫn được sử dụng là *ngẫu nhiên* vì nó đi ngược lại các quy luật cơ bản của vật lý và kinh tế, dù cho kết quả này sẽ không được tiên đoán bởi các lý thuyết khoa học xã hội khác. Việc nhấn mạnh vào sự *ngẫu nhiên* có ý nghĩa khoa học to lớn, nếu không có sự *ngẫu nhiên* trong việc lựa chọn các phương án ở điểm 1 (xem hình 1) thì cả chu trình theo hướng *phụ thuộc tiến trình* sẽ không thể có liên quan tới *tính không thể dự đoán trước* và *tính không hiệu quả* - những đặc điểm này rất cơ bản và quan trọng; chúng là tiền đề để khẳng định rằng *phụ thuộc tiến trình* là một cách nhìn hoàn toàn khác so với các trường phái kinh tế học tân cổ điển.

Chúng ta có thể tìm thấy nhiều ví dụ cho quan điểm đó từ đời sống hàng ngày. Bàn phím máy tính tôi dùng để gõ bài viết này, bàn phím QWERTY cũng là bàn phím phổ biến nhất, chúng ở điện thoại Blackberry, ở máy nhắn tin, ở các máy ATM lớn. Thế nhưng, ít ai biết rằng, bàn phím ấy đã được chứng minh là không hiệu quả bằng bàn phím DVORAK (David, 1985). Vậy, các nhà nghiên cứu theo học thuyết kinh tế học tân cổ điển, những người tin vào tính hiệu quả, sẽ giải thích hiện tượng này thế nào? Đáng nhẽ ra, bàn phím DVORAK phải được chọn khi các hãng máy đánh chữ bắt đầu sản xuất, nhưng họ đã chọn bàn phím QWERTY và từ đó gần như đây là loại bàn phím duy nhất trên thế giới. Sự lựa chọn như vậy, do đó, là một sự lựa chọn ngẫu nhiên trong chu trình xã hội trong đó bàn phím QWERTY trở thành bàn phím phổ biến nhất, điều mà không định lý hay tiên đề khoa học nào dự đoán hay chứng minh được trước khi các máy đánh chữ được sản xuất.

b) Phân tích sự tự củng cố của chu trình

Như đã nói, các nhà xã hội học nghiên cứu *phụ thuộc tiến trình* thường bị ảnh

hưởng bởi các nhà kinh tế học lịch sử, những người có quan điểm rằng đặc điểm hấp dẫn nhất của chu trình là việc nó có khả năng sẽ không đạt hiệu quả cao nhất (potential inefficiency). Tuy nhiên, theo James Mahoney, *potential inefficiency* chỉ là kết quả hấp dẫn đối với những nhà nghiên cứu theo chủ nghĩa vị lợi (utilitarian) của trường phái kinh tế học tân cổ điển; phổ nghiên cứu của trường phái *phụ thuộc tiến trình* rộng hơn rất nhiều và có khả năng áp dụng cho nhiều khuôn khổ lý thuyết ngoài chủ nghĩa vị lợi. Do đó, để hiểu hơn về tầm quan trọng của lý thuyết *phụ thuộc tiến trình*, ta nhất thiết phải xem xét nó từ chiều cạnh của các lý thuyết lớn trong hệ thống tri thức xã hội học.

Theo Randall Collins, nhà xã hội học của đại học University of Pennsylvania, bốn khung lý thuyết xã hội học có thể được sử dụng vào việc phân tích khả năng tự tái tạo, tự củng cố của các chu trình gồm có thuyết vị lợi (utilitarian), chức năng (functional), quyền lực (power) và hợp lý (legitimation). Dưới đây xin tóm tắt luận điểm chính của các lý thuyết này đối với sự tự tái tạo và tự củng cố của tiến trình.

Thuyết vị lợi

Trong bộ môn kinh tế học lịch sử, các nhà nghiên cứu thường dùng thuyết phân tích vị lợi để giải thích các chu trình tự tái tạo. Trong khuôn khổ lý thuyết này, những nhân vật có ảnh hưởng, có thể quyết định vận mệnh của chu trình, theo lý thuyết lựa chọn sáng suốt (rational choice theory), muốn duy trì các thể chế được tạo ra hoặc để chúng tự tái tạo thậm chí ngay cả khi nó chưa đạt được lợi tức mong muốn, vì nếu thay đổi mô hình đó họ sẽ bị thua thiệt về lợi ích. Một khi ván đã đóng thuyền, tàu đã ra khơi thì rất khó tháo tàu ra và lắp lại ngay cả khi tàu vận hành không được thuận chèo mát mái.

Suy rộng ra từ thuyết vị lợi, các thể chế này sẽ bị thay đổi một khi nó không còn khả năng sinh lời. Các nhân vật có ảnh hưởng (actors) sẽ không để thể chế tự tái tạo nữa nếu họ không còn được hưởng lợi từ nó. Theo quy luật thị trường, các nhà nghiên cứu thuyết vị lợi thường coi tính cạnh tranh cao - hay mạnh hơn là quy luật đào thải - của thị trường là cơ sở cho sự thay đổi thể chế.

Tuy nhiên sự thay đổi theo thuyết vị lợi diễn ra chậm hơn ở ngoài quy luật thị trường. Thường trong đời sống xã hội, việc đánh giá chi phí và lợi nhuận của các kết quả thể chế khác khó hơn so với ở thị trường. Do đó, các nhân tố xã hội sẽ ít có khả năng quyết định dựa trên lý thuyết lợi tức thuần hơn là các nhân tố kinh tế. Theo lý luận này, thể chế là kết quả của các chu trình *phụ thuộc tiến trình* được giải thích theo thuyết vị lợi sẽ vẫn chắc chắn nếu đặt ngoài phạm vi của thị trường.

Thuyết chức năng

Các nhà khoa học theo lối chức năng lý giải hiện tượng tự củng cố của các chu trình theo hai lối giải thích, một lối nghĩ “nhẹ” và một lối nghĩ “mạnh”. Ở lối nghĩ

“nhẹ”, sự tự củng cố, tự tái tạo của các thể chế chỉ được giải thích là do các hệ quả của chính nó, điều nằm trong khuôn khổ của nhiều lý thuyết xã hội cơ bản. ở lối nghĩ “mạnh”, sự tự tái tạo của thể chế được giải thích bởi những hệ quả có tính chức năng của nó (chức năng hợp nhất, chức năng thích ứng, chức năng sinh tồn) , và sự tái tạo này được đặt trong tương quan của một mối quan hệ tương tác với hệ thống lớn hơn hàm chứa thể chế đó. Như thế, ở cách nghĩ này, các hệ quả của thể chế đối với hệ thống lớn hơn cũng là tác nhân gây nên sự tái tạo các thể chế ấy. Các nhà nghiên cứu theo quan điểm này sẽ coi rằng hoàn cảnh xã hội, điều kiện lịch sử trước khi chu trình xác lập thể chế được bắt đầu có thể giải thích thuần túy bằng thuyết mục đích (teleology), bằng những lợi ích và thể chế sẽ mang lại cho hệ thống một khi nó được hình thành. James Mahoney chưa hài lòng với các lối nghĩ này, vì nó đi ngược lại với khái niệm về *phụ thuộc tiến trình* của ông, khi ông cho rằng điều kiện hoàn cảnh lịch sử trước khi chu trình được xác lập không thể giải thích bằng bất cứ lý thuyết nào, và quan hệ một cách *ngẫu nhiên* với kết quả của thể chế. Do đó, trong cách giải thích *phụ thuộc tiến trình*, chức năng của hệ thống có thể lý giải sự phát triển, tự tái tạo của thể chế, nhưng tuyệt nhiên không thể giải thích cho nguồn gốc hay điều kiện lịch sử của nó được.

Một khi các sự kiện *ngẫu nhiên* đã chọn lựa được một hướng đi cho thể chế, thể chế sẽ phát triển theo một hướng đi gần như được các lôgic của thuyết chức năng định sẵn: thể chế có một chức năng nào đó với hệ thống, điều này làm thể chế lớn mạnh lên; một khi thể chế lớn mạnh lên, khả năng đóng góp chức năng đó của nó cho hệ thống càng tăng; sau đó thể chế càng lớn mạnh thêm, rồi dần dần dẫn đến sự vững chắc và bền bỉ. Ta nhận thấy, chức năng của thể chế đối với hệ thống là tác nhân cơ bản dẫn tới sự phát triển lớn mạnh của thể chế. Như vậy, chức năng của thể chế thay thế thuyết vị lợi trong cách giải thích này. Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu theo thuyết chức năng cũng nhận xét rằng, do sự lựa chọn có tính định hướng lúc đầu là ngẫu nhiên, rất có khả năng thể chế được chọn sẽ không hiệu quả bằng các thể chế có thể đã được chọn. Trong hình một, chưa chắc B đã là hướng đi tốt nhất, có thể nếu A hoặc C được chọn thì thể chế khác được hình thành sẽ hiệu quả hơn. Về điểm này, cả hai cách giải thích có nhiều điểm tương đồng.

Trong lý thuyết chức năng, thể chế luôn được đặt trong một hệ thống tổng thể lớn hơn, gần như được hệ thống nuôi dưỡng và cũng nhờ thế mà thể chế tiếp tục phát triển được. Do đó, để thể chế có những thay đổi cơ bản, cần có một cú sốc tác động rất mạnh vào toàn bộ hệ thống tổng quát, cú sốc này sẽ làm thể chế bị ảnh hưởng lớn và buộc nó phải thay đổi để thích nghi với môi trường mới.

Thuyết quyền lực

Giống như các nhà nghiên cứu theo thuyết vị lợi, các học giả theo thuyết quyền lực giải thích hiện tượng tự củng cố của các thể chế bằng cách đánh giá giữa lợi tức và chi phí.

Tuy nhiên, khác với quan điểm thuyết vị lợi, các học giả này tin rằng thể chế phân phối lợi tức và chi phí không đều, và họ nhấn mạnh rằng các cá nhân có ảnh hưởng với các mức vốn khác nhau sẽ có những lợi tức khác nhau từ thể chế. Từ cách nhìn theo thuyết quyền lực, một thể chế có thể vững chắc ngay cả khi phần lớn các cá nhân hoặc nhóm muốn thay đổi nó, miễn là có một cá nhân có vốn rất lớn (hơn hẳn những cá nhân hoặc nhóm kia) muốn duy trì nó vì cá nhân đó được hưởng lợi từ thể chế.

Trong nghiên cứu về *phụ thuộc tiến trình* với cách giải thích theo quyền lực, căn nguyên của một thể chế không phải là một sự phát triển được lý thuyết dự đoán trên cơ sở sắp xếp quyền lực từ trước đó. Tuy nhiên, một khi thể chế phát triển, nó được củng cố theo tương tác quyền lực, và điều này có thể đoán trước được. Từ đầu, thể chế làm có lợi một số cá nhân hoặc nhóm và có hại cho một số khác. Các cá nhân được hưởng lợi từ thể chế sẽ tìm mọi cách để duy trì và phát triển nó, ngược lại, sự phát triển của thể chế càng làm các cá nhân trên được hưởng lợi hơn. Quá trình cứ tiếp diễn như vậy. Do việc lựa chọn các hướng đi của thể chế lúc đầu là *ngẫu nhiên*, có khả năng các nhóm được hưởng lợi từ thể chế có thể lúc đầu là các nhóm lệ thuộc (cấp dưới) của các nhóm khác, vốn ủng hộ một hướng đi khác. Như vậy, cách giải thích sự tự củng cố của thể chế theo cách này có thể dùng để minh họa việc thể chế có khả năng thay đổi cấu trúc quyền lực trong các nhóm xã hội bằng cách làm các nhóm cấp dưới mạnh lên và các nhóm cấp trên yếu đi.

Theo cách giải thích này, sự tái tạo của thể chế là một quá trình đầy xung đột, trong đó có nhiều nhóm bị thể chế làm thua thiệt. Chính sự xuất hiện của xung đột này là cơ sở cho sự thay đổi, mạnh hơn là sụp đổ, của thể chế. Thể chế càng phát triển thì một nhóm càng được hưởng lợi, và một nhóm càng bị thua thiệt, mà trong lịch sử, đã có xung đột là có đấu tranh. Chính những đấu tranh đó là động lực to lớn khiến cho thể chế phải thay đổi.

Thuyết hợp lý

Trong khuôn khổ lý thuyết của thuyết hợp lý, sự tự củng cố của thể chế phụ thuộc vào ý kiến chủ quan của cá nhân có ảnh hưởng tới thể chế; cá nhân sẽ muốn thể chế tiếp tục phát triển nếu người đó tin rằng sự phát triển đó không đi ngược lại luân lý và đạo đức theo quan điểm chủ quan. Một khi actor đó nghĩ rằng thể chế này hợp với các giá trị theo quan điểm cá nhân, người đó sẽ ủng hộ việc duy trì thể chế. Dù cho mức độ ủng hộ của các cá nhân có thể khác nhau, thuyết hợp lý coi rằng quyết định chủ quan của cá nhân là tác nhân chính thúc đẩy sự phát triển lớn mạnh của thể chế.

Thuyết hợp lý tuân theo yếu tố cơ bản của thuyết *phụ thuộc tiến trình*: một khi hướng đi cho thể chế đã được lựa chọn một cách *ngẫu nhiên*, nó sẽ càng lớn mạnh nếu càng được cá nhân quyết định chấp nhận. Sự chấp nhận này được kết cấu từ một chu kỳ của các phản hồi tích cực: một sự kiện được chấp nhận trong quá khứ sẽ tạo tiền đề và nếu rõ đặc điểm của các việc sẽ được chấp nhận trong tương lai. Chu kỳ này mở

rộng ra sẽ là cơ sở cho sự tự củng cố của thể chế: thể chế trong quá khứ làm nên nền tảng cho sự hợp lý, thể chế này được tái tạo vì nó được coi là hợp lý, và sự tái tạo của thể chế làm cái hợp lý càng hợp lý hơn.

Như đã nói ở trên, các thể chế, theo cách nhìn này, tự tái tạo được là do quan điểm chủ quan. Và không phải quan điểm chủ nào chắc chắn; nó có thể thay đổi theo các cách nhận thức khác nhau, theo thời gian chẳng hạn. Khái niệm “phù hợp” và “hợp lý” theo quan niệm cá nhân cũng là các khái niệm chên vênh, có thể bị bào mòn theo thời gian và chịu ảnh hưởng bởi trình độ nhận thức. Một khi cá nhân có ảnh hưởng thay đổi quan niệm chủ quan về hợp lý, cá nhân đó sẽ không còn thấy thể chế hiện thời là hợp lý nữa, và muốn thay đổi nó theo quan niệm chủ quan mới về sự hợp lý.

Tài liệu tham khảo

1. Arthur, Brian W. Increasing Returns and Path Dependence in the Economy in *University of Michigan Press, Ann Arbor 1994*.
2. Bernan, Sheri. Path Dependency and Political Actions: Reexamining Responses to the Depression. *Comparative Politics 30 (1998)*. Pp 379-400.
3. David, Paul A. and Julie Bunn. The Economics of Gateway Technologies and Network Evolution: Lessons from Electricity Supply History. *Information Economics and Policy 3*. (1988). Pp 165-202.
4. Goldstone, Jack A. Initial Conditions, General Laws, Path Dependence and Explanation in Historical Sociology. *American Journal of Sociology 104 (1998)*. Pp 834.
5. Griffin, Larry J. Narrative, Event-Structure, and Causal Interpretation in Historical Sociology. *American Journal of Sociology 98 (2003)*.
6. Mahoney, James. Path Dependence in Historical Sociology in *Theory and Society*. Vol. 29 Issue 4. Pp 507-548. 01/08/2000
7. Mahoney, James. Path-Dependent Explanations of Regime Change: Central America in Comparative Perspective in *Studies in Comparative International Development (SCID)*. Vol.36, Number 1.Pp 111-141. Springer New York March 2001.
8. Munck, Gerardo L. Between Theory and History and Beyond Traditional Area Studies: A New Comparative Perspective on Latin America. *Comparative Politics 25 (1993)*. Pp 491.
9. Pierson, Paul. Increasing Returns, Path Dependence and The Study of Politics. *American Political Science Review 94*. 2000. Pp 263.
10. Tilly, Charles. Big Structures, Large Processes and Huge Comparisons. *Russell Sage Foundation. New York*. 1984.